TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KBANG-TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2017/HNGĐ-ST.
Ngày: 14/9/2017.
"V/v Ly hôn giữa chị N và anh H"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG,TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Phương.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Võ Thị Cảnh.
2. Bà Đinh Thị Phiên.

-Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Tố Uyên là thư ký Toà án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Trong ngày 14/9/2017, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2017/TLST-HNGĐ ngày 28/7/2017 về tranh chấp: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2017/QĐST-HNGĐ ngày 31/8/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1987;
2. Bị đơn: Anh Trương Văn H, sinh năm 1992;
Cùng địa chỉ: Thôn 1, xã S, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Chị N và anh H đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/7/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Hoàng Thị N trình bày:*

Chị N và anh H qua thời gian quen biết, tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn *(ĐKKH)* tại UBND xã Đ vào ngày 05/9/2011. Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không H tính tình nhau, khác nhau về quan điểm sống, khác nhau trong suy nghĩ, trong công việc làm

ăn; điều kiện kinh tế vợ chồng hết sức khó khăn, phải làm thuê mướn nhưng anh H không chăm lo cho gia đình, không chịu làm để kiếm tiền nuôi con, toàn đi uống rượu rồi về kiếm cớ đánh đập vợ con. Chị phải bỏ nhà đi 03 lần vì bị anh H đánh đập, đuổi chị ra khỏi nhà. Nay chị thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa, cuộc sống hôn nhân căng thẳng không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh H được ly hôn với nhau.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trương Thị Tuyết M, sinh ngày 28/3/2012. Sau khi ly hôn, chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M cho đến khi cháu trưởng thành, có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai đề ngày 21/8/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trương Văn H trình bày:*

Anh chị quan thời gian quen biết, tìm hiểu đã tự nguyện đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai ngày 05/9/2011. Anh thừa nhận là trong cuộc sống vợ chồng giữa anh và chị N đã phát sinh một số mâu thuẫn vì vợ chồng không hiểu nhau, không H tình tình nhau, khác nhau về quan điểm sống, khác nhau trong suy nghĩ, vợ chồng thường hay cãi vã, cuộc sống hôn nhân căng thẳng không có hạnh phúc. Chị N đã 03 lần bỏ nhà đi để con lại cho anh chăm sóc mà không hỏi han, quan tâm đến con. Nay anh thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã thật sự trầm trọng, nên anh đề nghị Tòa án cho anh và chị N ly hôn được với nhau.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Trương Thị Tuyết M, sinh ngày 28/3/2012. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M cho đến khi trưởng thành, có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại phiên tòa hôm nay chị Hoàng Thị N và anh Trương Văn H trình bày:*

Chị Hoàng Thị N trình bày: Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương Văn H vì mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng.

Về con chung: Hiện cháu M đang ở với anh H, sau khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao con chung là cháu Trương Thị Tuyết M, sinh ngày 28/3/2012 cho chị nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng thành, có khả năng lao động.

Tuy chị chưa có thu nhập ổn định, hiện đang ở nhờ nhà chị gái vì lúc vợ chồng còn tình cảm với nhau thì chị ở cùng với bố mẹ chồng, sau khi vợ chồng mâu thuẫn chị đã đến nhà chị gái ở nhờ để chờ Tòa án giải quyết ly hôn. Sau khi ly hôn bố mẹ chị ngoài quê sẽ cho chị một khoản tiền đủ để chị mua đất và xây nhà cho hai mẹ con ở, chị sẽ đi làm thuê kiếm tiền nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H không có thu nhập ổn định nên chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị vẫn giữ nguyên quan điểm là chị và anh H không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trương Văn H trình bày: Anh vẫn giữ nguyên quan điểm của mình trong quá trình giải quyết vụ án, anh thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh đã thật sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh đề nghị Tòa án sau khi ly hôn giao con chung là cháu Trương Thị Tuyết M, sinh ngày 28/3/2012 cho anh nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng thành, có khả năng lao động. Anh cho rằng cháu M từ trước đến nay vẫn ở nhà bố mẹ anh, đã quen với môi trường sinh hoạt và học tập. Tuy anh chưa có thu nhập ổn định nhưng sau khi ly hôn thì anh sẽ làm phụ hồ, thỉnh thoảng đi rừng kiếm Nấm, chăm sóc Cà phê phụ gia đình bố mẹ anh để kiếm tiền nuôi con. Sau khi ly hôn anh vẫn ở cùng với bố mẹ.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:*

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm: 01 Giấy CNKH tên Hoàng Thị N - Trương Văn H *(bản chính)*; 01 Sổ hộ khẩu gia đình đứng tên chủ hộ Trương Văn H *(bản sao)*; 01 Giấy CMND mang tên Hoàng Thị N *(bản sao)*; 01 Giấy khai sinh mang tên Trương Thị Tuyết M *(bản sao)*.

**Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:* Chị N và anh H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có ĐKKH tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai vào ngày 05/9/2011; anh chị có 01 con chung là Trương Thị Tuyết M. Điều này được thể hiện qua chứng cứ do chị N giao nộp là Giấy CNKH mang tên Hoàng Thị N - Trương Văn H *(bản chính)*, Giấy khai sinh mang tên Trương Thị Tuyết M *(bản sao)*.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 05/9/2011 tại UBND xã Đ, huyện Kb, tỉnh Gia Lai và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân gia đình như vậy là hôn nhân H pháp. Quá trình chung sống với nhau, giữa anh chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không H tính tình nhau, khác nhau về quan điểm sống. Cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Trong quá trình giải quyết vụ án, tại các biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay cả chị Hoàng Thị N và anh Trương Văn H đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn với nhau. Vì vậy, cần căn cứ quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân & Gia đình N 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, xử cho chị N được ly hôn với anh H là phù H.

[2] Về con chung: Chị N và anh H có 01 con chung tên Trương Thị Tuyết M, sinh ngày 28/3/2012. Hai đương sự đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, xét yêu cầu nuôi con của chị N và anh H là chính đáng. Tuy nhiên cả hai đương sự đều chưa có công việc ổn định, anh H hiện đang ở với bố mẹ, chị N hiện đang ở nhờ nhà chị gái. Quan điểm của chị N khi được Tòa án giao con cho chị nuôi dưỡng thì chị sẽ đi làm thuê để kiếm tiền nuôi con và bố mẹ chị ngoài quê sẽ cho chị một khoản tiền đủ để chị mua đất, xây nhà cho hai mẹ con ở. Quan điểm của anh H khi được Tòa án giao con cho anh nuôi dưỡng thì anh sẽ làm phụ hồ, thỉnh thoảng đi rừng kiếm Nấm, chăm sóc Cà phê phụ gia đình bố mẹ anh để kiếm tiền nuôi con. Vì vậy, việc giao cháu M cho ai nuôi dưỡng HĐXX phải hết sức cân nhắc.

Thấy rằng hai đương sự đều chưa có công việc ổn định, anh H hiện đang ở với bố mẹ lại thường xuyên uống rượu, chị N hiện đang ở nhờ nhà chị gái. Cháu M còn nhỏ, hơn nữa là nữ giới, tại thời điểm xét xử cháu chưa đủ 6 tuổi, giao con chung cho chị N sẽ thuận tiện hơn trong việc chăm sóc và phát triển tâm sinh lý bình thường của cháu. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu M theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình cần giao cháu M cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, có khả năng lao động là H tình, H lý.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Mặc dù HĐXX đã giải thích về nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con chung nhưng chị N xét thấy anh H không có thu nhập ổn định, không yêu cầu anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh H không có tài sản chung và nợ chung nên cùng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Hoàng Thị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật HN&GĐ N 2014;

- Căn cứ các Điều 144, 147 và 266 của Bộ luật tố tụng dân sự N 2015;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 9, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/216/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị N, xử cho chị N được ly hôn với anh Trương Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung Trương Thị Tuyết M, sinh ngày 28/3/2012 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, có khả năng lao động. Do chị N không yêu cầu nên anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con vẫn có quyền đến thăm nom con, người trực tiếp nuôi con không được cản trở nếu họ không lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường H người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Hai đương sự đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí LH-ST: Chị N phải chịu là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0007074 ngày 28/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang, tỉnh Gia Lai, chị N đã nộp đủ án phí LH-ST.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị N và anh H có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Gia Lai;
-VKSND huyện Kbang;
-THADS Kbang;
-Các đương sự;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
-Lưu HSVA,VPTA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Phương

Nơi nhận:
-TA tỉnh;
TÒA
-VKS KBang;
-THA KBang;
-Các đương sự;
-Lưu HS vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN

Lê Văn Nguyên